

CÁC CÁCH TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU THUẬT NGỮ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TS. NGUYỄN VŨ BÍCH HIỂN
Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội loài người, trẻ em làm quen với thế giới bên ngoài, hình thành những khái niệm, tri thức và kĩ năng trong quá trình sống để bảo đảm sự tồn tại và phát triển của mình trong xã hội. Ở thời sơ khai tiền sử, chưa ai đặt ra câu hỏi *chương trình đào tạo* là gì? Thông thường, chương trình đào tạo được lưu giữ trong những truyền thuyết, những nghi lễ tôn giáo và những tập tục thời thượng cổ - đó là những điều đã được xã hội hoàn toàn thừa nhận.

Ngày nay, khi xã hội phát triển, ngày càng có nhiều tranh luận, bàn cãi và nghiên cứu về chương trình đào tạo. Câu hỏi đặt ra là: chương trình đào tạo là gì và cần phải chứa đựng những gì?

Nghiên cứu về thuật ngữ chương trình đào tạo với những cách tiếp cận khác nhau là khởi đầu cho việc phát triển những chương trình đào tạo phù hợp với quan điểm phát triển giáo dục hiện đại.

2. Thuật ngữ *chương trình đào tạo* theo tiếp cận lịch sử

Kieran Egan thuộc trường đại học Simon Fraser đã có một công trình nghiên cứu công phu về sự ra đời của thuật ngữ *chương trình đào tạo*. Năm 1978, ông công bố bài nghiên cứu của mình mang tên "Chương trình đào tạo là gì", đăng trên Tạp chí "Những câu hỏi về chương trình đào tạo" để mô tả lịch sử phát triển của thuật ngữ này.

Theo Egan, từ "*curriculum*" - tức là *chương trình đào tạo* bắt nguồn từ chữ Latin có nghĩa là "trường đua", "cuộc chạy đua", hay "sự chạy nhanh". Điều đó có nghĩa là chúng ta cần phải có một định hướng cho sự phát triển. Hơn nữa, nghĩa sơ khai của từ này cũng để cập đến một khoảng không tạm thời, nơi mà chúng ta sống, tới một giới hạn mà mọi việc có thể diễn ra, tới một cái gì đó *bao hàm, chứa đựng*, nhưng chưa có nghĩa là nội dung. Dẫn dắt qua quá trình phát triển, nghĩa *trường đua* của thuật ngữ chương trình đào tạo được sử dụng thiên về *những theo đuổi về mặt trí tuệ*. Đối với trường đua, người ta có thể đặt câu hỏi "Nó dài bao nhiêu?", "Có những chướng ngại vật gì?". Còn đối với những theo đuổi về mặt trí tuệ, người ta có thể hỏi "Nó dài bao lâu?", "Nội dung của nó chứa đựng những gì?".

Qua thời kì trung cổ, nghĩa của từ chương trình đào tạo chuyển dần sang hướng *nội dung* với câu hỏi

"Chương trình đào tạo cần có những nội dung gì?" và "Cách nào tốt nhất để tổ chức những nội dung này?". Tuy nhiên ở thời kì này, khi những tài liệu in ấn còn chưa phổ biến thì phương pháp truyền thụ tri thức chủ yếu vẫn là truyền miệng. Do vậy, vấn đề cái gì dạy trước, cái gì dạy sau được cho là không quan trọng và những phương pháp để chuyển tải nội dung đến người học chưa được quan tâm đến trong chương trình đào tạo.

Đến năm 1824, với những nghiên cứu của John Russel về chương trình đào tạo, nghĩa của thuật ngữ này mới hướng nhiều hơn vào nội dung và thời lượng của một khoá đào tạo. Phương pháp giảng dạy vẫn chưa thực sự được quan tâm khi thiết kế chương trình.

Qua 20 thế kỉ phát triển, thuật ngữ chương trình đào tạo tập trung dần vào hai câu hỏi "Cần phải dạy những gì" và "Dạy những nội dung đó như thế nào?". Tính *ổn định* và *mạch lạc* trong chương trình đào tạo cũng được quan tâm đến. Chương trình đào tạo ngày nay phân loại nội dung chương trình thành những đơn vị kiến thức được sắp xếp theo mức độ quan trọng: "những gì cần phải biết", "những gì nên biết", và "những gì có thể biết", nhằm tăng tính ổn định nhưng đồng thời đảm bảo được sự cập nhật linh hoạt của chương trình. Mặt khác, thứ tự các môn học trong chương trình được chú trọng sắp xếp theo trình tự phù hợp với năng lực nhận thức của người học, tính logic của vấn đề được giảng dạy, tạo thành những môn bắt buộc và môn tự chọn. Sự *mạch lạc* trong chương trình đào tạo được coi là một cải tiến quan trọng của chương trình đào tạo hiện đại.

3. Tiếp cận lấy nội dung môn học làm trung tâm và lấy người học làm trung tâm

Chương trình đào tạo được coi là có thiết kế rõ nhất thế giới đi theo quan điểm lấy nội dung môn học làm trung tâm (subject-centered). Nó được thiết kế cho trường học Latin viết về tôn giáo, bằng tiếng Latin và tiếng Hy Lạp. Quan điểm lấy môn học làm trung tâm có nghĩa là chương trình học bao gồm một vài môn học, được giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình. Mục tiêu của chương trình học lấy môn học làm trung tâm là học các môn học, có nghĩa là lấy *nội dung* môn học làm mục tiêu và người dạy cần phải dạy cho hết nội dung kiến thức quy định

cho môn học (hay tiết học). Những chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận nội dung đã được ứng dụng rộng rãi trong một thời gian dài của lịch sử giáo dục. Thiết kế dạng này có cấu trúc và tổ chức chặt chẽ, dễ thực hiện và có tính hiệu quả cao vì giúp người học nắm được một khối lượng nội dung kiến thức lớn trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, chương trình đào tạo lấy môn học làm trung tâm chưa quan tâm đến nhu cầu, hứng thú của người học và tách rời khỏi các sự kiện diễn ra trên thế giới. Hơn nữa, mục tiêu của những chương trình này thường dừng ở mức độ *nhớ* tri thức chứ chưa đạt đến *hiểu* tri thức.

Trong tác phẩm *"Thiết kế chương trình đào tạo"*, Kenneth T. Henson (2001) có đề cập tới sự phát triển của thuật ngữ chương trình đào tạo ở thế kỉ XX.

Những năm từ 1920 đến 1940 được gọi là *thời đại cách mạng giáo dục ở các nước Châu Âu và Bắc Mỹ*. Trong cuộc cách mạng này có trào lưu cải cách chương trình. Ý nghĩa của thuật ngữ *chương trình đào tạo* được chuyển từ quan điểm lấy môn học là trung tâm sang lấy người học làm trung tâm (student-centered). Chương trình đào tạo theo đó không được nhấn mạnh ở nội dung mà nhấn mạnh vào "những kiến thức mà người học thu nhận được". Nghĩa là chương trình quan tâm hơn tới sự phát triển năng lực của người học, giúp người học tự chiếm lĩnh tri thức, tự phát hiện vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Ví dụ, định nghĩa chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận lấy người học làm trung tâm của một số tác giả sau:

- Chương trình đào tạo là một chuỗi những kiến thức mà người học có thể thu nhận được, do nhà trường thiết kế, nhằm mục đích rèn luyện cho học sinh các phương pháp tư duy và hành động (Smith, Stanley và Shores, 1957).

- Chương trình đào tạo bao gồm tất cả những kiến thức mà học sinh có được dưới sự hướng dẫn của giáo viên (Caswell và Campbell, 1935).

- Chương trình đào tạo được hiểu là tất cả những kiến thức mà người học có được trong nhà trường (Doll, 1989).

Đến những năm 1980, khái niệm chương trình đào tạo tiếp tục được mở rộng, nó bao gồm cả những thay đổi về mặt xã hội. Nhiều tác giả cho rằng nếu muốn có sự bình đẳng, chúng ta cần phải mở rộng khái niệm chương trình đào tạo bao gồm toàn bộ môi trường văn hoá trong nhà trường chứ không chỉ giới hạn ở nội dung môn học. Chương trình đào tạo lúc này được hiểu là những kiến thức học sinh thu thập được và những mục tiêu học tập cần đạt, được thiết kế bằng cách tái thiết có hệ thống những kiến thức và kinh nghiệm của người học, dưới sự tổ chức của nhà trường, giúp cho sự

phát triển liên tục của người học về *năng lực cá nhân - xã hội*.

4. Chương trình đào tạo theo nghĩa rộng và hẹp

Theo bách khoa toàn thư Wikipedia, có nhiều cách định nghĩa chương trình đào tạo. Theo nghĩa rộng, chương trình đào tạo có thể bao gồm bất cứ những gì được học và đào tạo. Nó cũng có thể được hiểu là một buổi đàm luận ngoại khóa, những mối quan hệ trong nhà trường, và nó có thể là những quan điểm phổ biến... Đây là quan niệm về chương trình đào tạo theo kiểu mới. Quan điểm này gắn với thuật ngữ "Chương trình đào tạo ẩn" (the hidden curriculum). Trên thực tế, nhà trường không chỉ làm công việc đơn giản là truyền đạt những kiến thức được chỉ ra trong chương trình đào tạo được ban hành. Đằng sau chương trình đào tạo trên văn bản giấy tờ còn có những quan niệm của xã hội, quan điểm chính trị, những tác động về văn hóa, và những hoạt động mang tính giáo dục của một xã hội hiện đại.

John Dewey là một trong những người đầu tiên nghiên cứu về chương trình đào tạo ẩn vào đầu thế kỉ XX với tác phẩm "Dân chủ và giáo dục". Sau này chương trình đào tạo ẩn còn được rất nhiều nhà giáo dục tiếp tục nghiên cứu và phát triển. Ví dụ như nghiên cứu của Benson Snyder với tác phẩm "Chương trình đào tạo ẩn" (1968). Trong tác phẩm này, Snyder đã đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi "Vi sao sinh viên, và đặc biệt là những sinh viên tài năng lại quay lưng lại với giáo dục trong nhà trường?". Vấn đề ông đưa ra là những xung đột và lo lắng trong sinh viên có thể do rất nhiều yếu tố học thuật và những chuẩn mực xã hội không được nói đến trong chương trình đào tạo. Những yếu tố này ít nhiều ngăn cản sự phát triển năng lực độc lập và sáng tạo trong tư duy của người học. Sau này, Meighan trong tác phẩm của mình mang tên "Xã hội học trong giáo dục" (1981) đã đưa ra định nghĩa về chương trình đào tạo ẩn như sau:

Chương trình đào tạo ẩn được giảng dạy thông qua nhà trường chứ không phải thông qua bất cứ một giáo viên nào... Nó là những gì thâm nhập vào học sinh, nhưng có thể là những điều không bao giờ được giảng dạy trên lớp. Nó hình thành nên định hướng cuộc sống và thái độ đối với việc học tập cho người học.

Còn Michael Haralambos với tác phẩm "Xã hội học: Những chủ đề và viễn cảnh" (1991) lại đưa ra định nghĩa:

Chương trình đào tạo ẩn bao gồm những vấn đề mà học sinh học được thông qua mọi hoạt động trong nhà trường chứ không phải những gì được trình bày trong mục tiêu đào tạo của nhà trường.



Tuy không chính thống nhưng chương trình đào tạo ẩn lại là một nhân tố có tác động mạnh mẽ tới kết quả giáo dục trong nhà trường. Nó có thể thúc đẩy cho mục tiêu đào tạo của nhà trường và của xã hội nhưng cũng có thể cản trở việc thực hiện những mục tiêu này. Đó có thể là những phẩm chất mà ta chủ đích muốn hình thành cho người học, nhưng đó cũng có thể là những gì tự phát hình thành trong môi trường học tập.

Như vậy, có thể thấy rằng ngoài chương trình đào tạo chính thống được ban hành, người học còn chịu tác động của một chương trình đào tạo ẩn. Tuy vào từng điều kiện hoàn cảnh mà chương trình đào tạo ẩn có những yếu tố khác nhau, và ảnh hưởng ở mức độ khác nhau tới người học. Hiểu chương trình đào tạo theo nghĩa rộng bao gồm cả chương trình đào tạo được in ấn thành văn bản pháp quy và chương trình đào tạo ẩn sẽ giúp giáo viên và các nhà giáo dục chủ động hạn chế những tác động tiêu cực và phát huy những mặt tích cực mà chương trình đào tạo ẩn mang lại để quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường đạt được hiệu quả cao hơn.

Chương trình đào tạo theo nghĩa hẹp là những gì được thể hiện thành văn bản pháp quy, được công bố công khai trong mục tiêu đào tạo của nhà trường. Đó là một hệ thống các môn học (hoặc khóa học) và nội dung của những môn học (khóa học) này do một cơ sở đào tạo như trường học cung cấp. Theo cách hiểu này thì chương trình đào tạo còn đi cùng một tập hợp những tài liệu về giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá dành cho các khóa học đó.

5. Cấp độ và sự phân quyền trong quản lí phát triển chương trình đào tạo

Ở nhiều quốc gia, chương trình đào tạo hoàn toàn (hoặc phần nào) do một tổ chức giáo dục bên ngoài nhà trường chuyên trách về chương trình quyết định. Ở Mĩ, chương trình đào tạo cơ bản do từng bang thiết kế, kết hợp với sự điều chỉnh của từng trường trong quận theo yêu cầu của từng địa phương đó. Tuy nhiên, mỗi bang thiết kế chương trình dựa chủ yếu vào nhóm thiết kế chương trình cấp quốc gia do Bộ Giáo dục Mĩ lựa chọn. Ví dụ, Hội đồng giảng viên toán quốc gia sẽ thiết kế chương trình giảng dạy môn Toán. Ở Úc, tương tự như vậy tiểu ban giáo dục ở mỗi bang sẽ thiết kế những chương trình đào tạo khác nhau cho các trường trong bang của mình.

Có nhiều quan điểm cho rằng thuật ngữ "chương trình đào tạo" có thể định nghĩa theo cấp độ quốc gia và cấp độ nhà trường. Ví dụ, trong trường hợp của chương trình đào tạo New Zealand, thuật ngữ chương trình đào tạo được định nghĩa gắn với yêu cầu của quốc gia hoặc đặc điểm nhà trường New Zealand.

Cấp độ chương trình khung: Chương trình đào tạo New Zealand là một bộ chương trình đào tạo quốc gia bao gồm các yếu tố cơ bản (nguyên tắc) của việc học tập, mục đích, mục tiêu đào tạo mà tất cả các trường ở New Zealand cần phải tuân theo.

Cấp độ chương trình cụ thể: Chương trình đào tạo của một trường (ở New Zealand) bao gồm những cách thức mà một trường đưa chương trình đào tạo quốc gia vào ứng dụng thực tế. Chương trình đào tạo của trường gắn liền với nhu cầu của địa phương, những ngành nghề ưu tiên, và nguồn lực. Nó được thiết kế theo sự tư vấn của hội đồng nhà trường.

Ở Việt Nam, nhìn chung chương trình đào tạo được hiểu là văn bản chính thức, quy định mục đích, mục tiêu, yêu cầu nội dung kiến thức và kĩ năng, cấu trúc tổng thể các bộ môn, kế hoạch lên lớp, thực tập theo từng năm học, tỉ lệ giữa các bộ môn, giữa lí thuyết và thực hành, quy định phương thức, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, chứng chỉ văn bằng tốt nghiệp của cơ sở đào tạo.

Chương trình đào tạo do cơ quan chuyên môn và các cấp (viện, vụ, trung tâm) soạn thảo hoặc do các cơ sở đào tạo (trường đại học, cao đẳng, dạy nghề) tự soạn thảo, nhưng phải được cấp chuyên môn có thẩm quyền phê duyệt và cho phép thực hiện.

Chương trình đào tạo là văn bản chính thức mang tính pháp quy và nó là căn cứ để biên soạn sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn, là tiêu chí để chỉ đạo dạy học và thanh tra giáo dục trong phạm vi cả nước.

Như vậy, Việt Nam chọn cách định nghĩa về chương trình đào tạo hẹp, nghĩa là chưa bàn nhiều đến chương trình đào tạo ẩn, bên ngoài những văn bản pháp quy. Đối với giáo dục phổ thông, chương trình đào tạo được thống nhất quản lí trên phạm vi toàn quốc: về số lượng môn học, tên môn học và sách giáo khoa. Ở bậc cao đẳng, đại học, do tính chất chuyên sâu về học thuật, các trường có thêm quyền tự chủ trong phát triển chương trình. Như vậy, cũng giống như nhiều nước trên thế giới, chương trình sau phổ thông chia ra chương trình khung (Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt) và chương trình chi tiết cụ thể do các trường tiếp tục phát triển dựa trên chương trình khung đã ban hành.

6. Kết luận

Ngày nay, cũng như nhiều thuật ngữ khác trong giáo dục, người ta vẫn chưa có cách định nghĩa thống nhất về thuật ngữ chương trình đào tạo. Tuy khái niệm chương trình đào tạo ở mỗi nước và mỗi một giai đoạn phát triển có sự khác biệt, nhưng tựu chung lại, theo Oliva (1997) chương trình đào tạo có thể hiểu theo những cách sau:

(Xem tiếp trang 25)